

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện vốn đầu tư công đến 31/12/2020 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công.

Vốn đầu tư công được giao đến thời điểm báo cáo là 840.119 triệu đồng. Khối lượng thực hiện lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2020 được 695.420 triệu đồng đạt 82,8% kế hoạch năm và giá trị giải ngân lũy kế được 616.611 triệu đồng đạt 73,4% kế hoạch.

Trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương: Giá trị khối lượng thực hiện được 489.358/540.255 triệu đồng, đạt 90,6% kế hoạch; Giá trị giải ngân được 454.584/540.255 triệu đồng, đạt 84,1% kế hoạch.

+ Vốn cân đối ngân sách địa phương: Giá trị khối lượng thực hiện được 206.062/299.864 triệu đồng, đạt 68,7% kế hoạch; Giá trị giải ngân được 162.027/299.864 triệu đồng, đạt 54,0% kế hoạch.

- Ước khối lượng thực hiện đến 31/01/2021 là 695.420 triệu đồng đạt 82,8% kế hoạch năm và giá trị giải ngân được 695.420 triệu đồng đạt 82,8% kế hoạch.

- *Ước khối lượng thực hiện đến 31/01/2021 (Đã điều chỉnh chuyển nguồn 03 dự án ODA) là 695.420/700.590 triệu đồng đạt 99,3% kế hoạch năm và giá trị giải ngân được 695.420/700.590 triệu đồng đạt 99,3% kế hoạch.*

(Kèm theo phụ biểu báo cáo chi tiết tiến độ từng dự án)

2. Tình hình thực hiện vốn chuyển nguồn các năm trước sang năm 2020 thực hiện.

- Vốn chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 tiếp tục thực hiện gồm 19 dự án, với số vốn chuyển nguồn là: 211.819 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương là 196.368 triệu đồng, gồm 12 dự án.

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là 12.782 triệu đồng, gồm 04 dự án.

- Nguồn vốn Xổ số kiến thiết là 2.669 triệu đồng, gồm 04 dự án.

Đến 31/12 giải ngân được 191.257/211.819 triệu đồng, đạt 90,3% kế hoạch.

(Kèm theo phụ biểu báo cáo chi tiết giải ngân từng dự án)

3. Nguyên nhân giải ngân thấp:

*** Nguyên nhân khách quan:**

- Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT) tới thời điểm này (dự kiến đến 31/01/2021, vốn ODA) giải ngân được 24.676/45.929 triệu đồng là thấp so với kế hoạch bố trí vốn là do tác động của dịch Covid-19 và việc huy động vốn đối ứng từ nhân dân gặp nhiều khó khăn. Đã đề nghị chuyển qua giai đoạn sau thực hiện tiếp.

- Dự án kết hợp bảo vệ ven biển và khôi phục đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau: Tổng kế hoạch hoạch vốn ODA 14.000 triệu đồng, trong đó năm 2019 là 4.000 triệu đồng, năm 2020 là 10.000 triệu đồng. Đến nay chưa giải ngân được là các thủ tục do Ban quản lý Trung ương thực hiện chưa hoàn thành, còn phải chờ đấu thầu quốc tế lựa chọn tư vấn quốc tế, sau đó mới triển khai dự án ở các tỉnh. Đã đề nghị chuyển trả vốn kế hoạch.

- Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020: tới thời điểm này (dự kiến đến 31/01/2021, vốn ODA) giải ngân được 58.042/77.586 triệu đồng. Đã triển khai xong các gói thầu: Trồng rừng mới + chăm sóc bảo vệ rừng trồng (phần trồng Đước mô hình 7/3); Gói thầu số 08: San lấp ban bờ tạo mặt bằng trồng rừng (phần trồng Đước mô hình 7/3 và chăm sóc bảo vệ rừng mới trồng); Gói thầu số 23: Mua sắm trang thiết bị bảo vệ rừng (phần mua xe ô tô); Gói thầu số 24: Mua sắm trang thiết bị bảo vệ rừng (phần mua xe máy); Gói thầu số 25: Mua sắm trang thiết bị bảo vệ rừng (phần mua vỏ lãi); Gói thầu số 26: Mua sắm trang thiết bị bảo vệ rừng (phần mua Camera Flycam; Ống nhòm; Máy định vị GPS; Máy tính để bàn; Máy in; Máy Fax; Đèn Pin tuần tra; Máy ảnh...Vốn còn lại được chuyển nguồn để chăm sóc rừng bảo vệ cho 03 năm tiếp theo sau đó mới nghiệm thu quyết toán hoàn thành dự án (vì dự án rừng là dự án đặt thù)

- Tiểu dự án ĐTXD CSHT phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ NTTS huyện An Minh, An Biên tỉnh Kiên Giang thuộc dự án “Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (MD - ICRSL)”: Theo Hiệp định vay vốn: Giải ngân theo tỷ lệ 70% vốn vay ODA, 30% vốn vay lại. Năm 2020 vốn ODA bố trí là 58.958 triệu đồng, khả năng giải ngân vốn ODA là 58.958 triệu đồng, tương ứng với khả năng giải ngân vốn vay lại 30% là 25.268 triệu đồng.

+ Vốn ODA đã giải ngân hết. Về phần vốn vay lại đã giải ngân 25.268/114.000 triệu đồng theo tỷ lệ hiệp định vay vốn. Phần vốn dư đã điều chỉnh chuyển nguồn qua các năm sau thực hiện tiếp.

*** Nguyên nhân chủ quan:**

- Tiến độ thi công của một số công trình còn chậm do năng lực nhà thầu, công tác tổ chức sản xuất, tổ chức thi công chưa hợp lý, công tác quản lý dự án chưa thật sự quyết liệt trong chỉ đạo, đã có nhiều cuộc họp xử lý giải quyết, cụ thể một số công trình như: Dự án ĐTXD Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên

Hải; Dự án ĐTXD khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Cái Lớn - Cái Bé, tỉnh Kiên Giang; Dự án: ĐTXD Cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Bình Trị, huyện Kiên Lương và Dự án: ĐTXD Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp cảng cá Đảo Thổ Châu; Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Gành Dầu.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công đến 31/12/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, qlxdct.

**Ư. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Văn Tuấn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 02/BC-SNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT		KẾ HOẠCH 2020	KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 31/12/2020				ƯỚC TH VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 31/01/2021				ƯỚC TH VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 31/01/2021 (SAU KHI ĐÃ ĐIỀU CHỈNH CHUYỂN NGUỒN 04 DỰ ÁN ODA					Ghi chú
			GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KLTH SO VỚI KH	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % KLTH SO VỚI CP	GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KL THỰC HIỆN	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % CÁP PHÁT	KẾ HOẠCH SAU KHI ĐÃ CHUYỂN NGUỒN VÀ ĐIỀU CHỈNH	GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KL THỰC HIỆN	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % CÁP PHÁT	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	NGUỒN VỐN ĐƯỢC GIAO	840.119	695.420	82,8	616.611	73,4	695.420	82,8	695.420	82,8	700.590	695.420	99,3	695.420	99,3	
1	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	540.255	489.358	90,6	454.584	84,1	489.358	90,6	489.358	90,6	489.458	489.358	100,0	489.358	100,0	Vốn ODA dư
2	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	299.864	206.062	68,7	162.027	54,0	206.062	68,7	206.062	68,7	211.132	206.062	97,6	206.062	97,6	Vốn đối ứng (vốn vay lại) ODA bổ trợ dự



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 05/BC-SNNPTNT ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Lấy kế từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THHT từ đầu năm đến 31/12/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		Kế hoạch năm 2020 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)	Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Khối lượng thực hiện		Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện		Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện		Giá trị cấp phát
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - DP																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG SỐ								840.119	695.420	616.611	82,8	73,4	695.420	695.420	82,8	82,8	700.590	695.420	695.420	99,3	99,3	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG								540.255	489.358	454.584	90,6	84,1	489.358	489.358	90,6	90,6	489.458	489.358	489.358	100,0	100,0	
A	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU								106.732	106.632	97.655	99,9	91,5	106.632	106.632	99,9	99,9	106.732	106.632	106.632	99,9	99,9	
I	Chương trình phát triển kinh tế vùng						63.082	63.082	46.918	46.918	43.710	100,0	93,2	46.918	46.918	100,0	100,0	46.918	46.918	46.918	100,0	100,0	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020						63.082	63.082	46.918	46.918	43.710	100,0	93,2	46.918	46.918	100,0	100,0	46.918	46.918	46.918	100,0	100,0	
I	Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh	AM	2017-2020	1135; 22/5/2017	123.000	110.000	63.082	63.082	46.918	46.918	43.710	100,0	93,2	46.918	46.918	100,0	100,0	46.918	46.918	46.918	100,0	100,0	Đang thi công dự kiến quý I/2021 sẽ hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Quý II/2021 sẽ quyết toán công trình
II	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững						263.380	263.380	49.814	49.714	43.945	99,8	88,2	49.714	49.714	99,8	99,8	49.814	49.714	49.714	99,8	99,8	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020						263.380	263.380	43.760	43.660	37.891	99,8	86,6	43.660	43.660	99,8	99,8	43.760	43.660	43.660	99,8	99,8	
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá mũi Gành Dầu	PQ	2015-2020	1474; 20/7/2015	120.000	120.000	68.000	68.000	15.000	15.000	13.595	100,0	90,6	15.000	15.000	100,0	100,0	15.000	15.000	15.000	100,0	100,0	Đã nghiệm thu hoàn thành hạng mục cầu cảng và dè chắn sóng, nhà điều hành, cát san lấp mặt bằng cảng. Đang nghiệm thu hàng rào bảo vệ, bãi đậu xe, đường dẫn xuống cảng. Đã điều chỉnh sang năm 2021 tiếp tục thực hiện.
2	Dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Bình Trị, huyện Kiên Lương	KL	2018-2020	2552; 28/10/2013; 1665; 27/7/2018	195.821	186.821	144.500	144.500	22.260	22.160	19.683	99,6	88,4	22.160	22.160	99,6	99,6	22.260	22.160	22.160	99,6	99,6	Dự án đã tổng kiểm tra nghiệm thu và trong quý I/2021 sẽ tổng nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và quyết toán
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của sông cái Lớn - Cái Bé	CT-AB	2017-2022	2296; 30/10/2017	80.014	36.000	29.500	29.500	6.500	6.500	4.613	100,0	71,0	6.500	6.500	100,0	100,0	6.500	6.500	6.500	100,0	100,0	Dự án đã thi công hoàn thành
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020								6.054	6.054	6.054	100,0	100,0	6.054	6.054	100,0	100,0	6.054	6.054	6.054	100,0	100,0	
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Chu	PQ	2016-2020	2590; 30/10/2015	154.189	154.189	21.380	21.380	6.054	6.054	6.054	100,0	100,0	6.054	6.054	100,0	100,0	6.054	6.054	6.054	100,0	100,0	Đã thi công xong hệ dè chắn cầu cảng; hoàn chỉnh kê bảo vệ bờ. Đang bơm cát san lấp mặt bằng thi công và thi công bản mặt cầu cảng. Đã điều chỉnh sang năm 2021 tiếp tục thực hiện
III	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư						48.000	48.000	10.000	10.000	10.000	100,0	100,0	10.000	10.000	100,0	100,0	10.000	10.000	10.000	100,0	100,0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020						48.000	48.000	10.000	10.000	10.000	100,0	100,0	10.000	10.000	100,0	100,0	10.000	10.000	10.000	100,0	100,0	
1	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	KH	2017-2020	2281; 30/10/2017	120.000	108.000	48.000	48.000	10.000	10.000	10.300	100,0	100,0	10.000	10.000	100,0	100,0	10.000	10.000	10.000	100,0	100,0	Đã thi công xong hạng mục cọc khoan nhồi và thi công xong phần xử lý chống thấm. Đang triển khai các hạng mục khác. Đã điều chỉnh sang năm 2021 tiếp tục thực hiện

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lấy kể từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THHT từ đầu năm đến 31/12/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		Kế hoạch năm 2020 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)	Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)	TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
B	Vốn bổ trợ cho các dự án sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn các dự án quan trọng quốc gia								109.400	109.400	109.000	100,0	99,6	109.400	109.400	100,0	100,0	109.400	109.400	109.400	100,0	100,0	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2020						100.000	100.000	109.400	109.400	109.000	100,0	99,6	109.400	109.400	100,0	100,0	109.400	109.400	109.400	100,0	100,0	
1	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trình tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	TT		2516; 31/10/2019	1.484.000				74.400	74.400	74.000	100,0	99,5	74.400	74.400	100,0	100,0	74.400	74.400	74.400	100,0	100,0	Đã ký hợp đồng thi công công ầu thuyền Vàm Bà Lích-Châu Thành. Đang xét thầu Công ầu thuyền T3-Hòa Điền, quý 1/2021 sẽ ký hợp đồng.
2	Kế chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh huyện An Biên	AB			75.000	25.000			12.500	12.500	12.500	100,0	100,0	12.500	12.500	100,0	100,0	12.500	12.500	12.500	100,0	100,0	Đang triển khai thi công. Dự kiến tháng 12 sẽ hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.
3	Kế chống sạt lở khu vực Xẻo Nhau huyện An Minh	AM			45.000				22.500	22.500	22.500	100,0	100,0	22.500	22.500	100,0	100,0	22.500	22.500	22.500	100,0	100,0	Đã thi công hoàn thành kế hoạch vốn 2020 là khoảng 4km kè. Năm 2021 sẽ tiếp tục thi công phần còn lại.
C	Vốn nước ngoài (ODA các nhà tài trợ)				1.281.265	718.025	145.000	145.000	324.123	273.326	247.929	84,3	76,5	273.326	273.326	84,3	84,3	273.326	273.326	273.326	100,0	100,0	
I	Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (Giải ngân theo cơ chế trong nước)				494.518	418.473	209.237	209.237	209.236	189.692	178.805	90,7	85,5	189.692	189.692	90,7	90,7	189.692	189.692	189.692	100,0	100,0	
1	Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020	HD, KL, HT	2018-2020	2358; 24/10/2018	187.879	177.586	100.000	100.000	77.586	58.042	47.155	74,8	60,8	58.042	58.042	74,8	74,8	58.042	58.042	58.042	100,0	100,0	Đã thi công xong phần kè phá sóng và phần trồng rừng. Kế hoạch vốn còn lại sẽ chuyển sang năm 2021 thực hiện các gói thầu chăm sóc bảo vệ.
2	Công trình kiểm soát mặn ven biển Tây trên địa bàn Rạch Giá, Châu Thành và Kiên Lương (hạng mục: Công kênh Nhánh và Công rạch Tả Niên)	RG, CT, KL	2018-2020	2356; 24/10/2018	306.639	240.887	109.237	109.237	131.650	131.650	131.650	100,0	100,0	131.650	131.650	100,0	100,0	131.650	131.650	131.650	100,0	100,0	Công trình đã thi công xong. Trong tháng 1/201 sẽ nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và quyết toán công trình.
II	Dự án Ô				1.281.265	718.025	145.000	145.000	114.887	83.634	69.124	72,8	60,2	83.634	83.634	72,8	72,8	83.634	83.634	83.634	100,0	100,0	
1	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công trình	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	432.960	100.000	130.000	58.958	58.958	58.958	100,0	100,0	58.958	58.958	100,0	100,0	58.958	58.958	58.958	100,0	100,0	Các công (09 công) đã thi công cơ bản hoàn thành, dự kiến trong quý 1/2021 sẽ nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Hạng mục kè đang trình ngân hàng thế giới. Dự kiến trong tháng 01/2021 sẽ ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu.
2	Dự án kết hợp bảo vệ ven biển và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	TT	2017-2022	5758; BNN, 29/12/2017	230.966	173.845			10.000			0,0	0,0										Đang chờ Ban CPO tuyển tư vấn để triển khai thực hiện; Đã đề nghị chuyển vốn qua DA WB9 thực hiện. Đề nghị chuyển trả vốn (trong đó năm 2019 4.000 triệu đồng và năm 2020 10.000 triệu đồng).
3	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2023	2731; 10/11/2015; 1100; 15/5/2019	313.499	111.220	45.000	45.000	45.929	24.676	10.166	53,7	22,1	24.676	24.676	53,7	53,7	24.676	24.676	24.676	100,0	100,0	Hiện nay, các Tiểu dự án đầu tư CSHT và TTB cho các HTX đã ký HĐ với các nhà thầu cho thanh toán các HĐ thiết kế, thẩm tra, và rà phá bom mìn. Khó khăn gặp phải là tình hình thu tiền đối ứng của các HTX chưa đảm bảo đúng như kế hoạch, và một số công trình gặp khó khăn trong vận chuyển vật liệu XD, mùa vụ sản xuất của dân cũng ảnh hưởng đến kế hoạch thi công. Vốn dự không sử dụng hết đã đề nghị chuyển qua năm sau tiếp tục thực hiện.
NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG									299.864	206.062	162.027	68,7	54,0	206.062	206.062	68,7	68,7	211.132	206.062	206.062	97,6	97,6	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến 31/12/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		Kế hoạch năm 2020 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)	Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
A	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								127.062	121.992	80.954	96,0	63,7	121.992	121.992	96,0	96,0	127.062	121.992	121.992	96,0	96,0	
I	Ngành, lĩnh vực Nông nghiệp								40.196	35.148	28.758	87,4	71,5	35.148	35.148	87,4	87,4	40.196	35.148	35.148	87,4	87,4	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020								34.097	29.126	23.201	85,4	68,0	29.126	29.126	85,4	85,4	34.097	29.126	29.126	85,4	85,4	
1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2020	2731; 10/11/2015; 1100;	313.499	37.000	8.430	8.430	7.091	2.400	1.519	33,8	21,4	2.400	2.400	33,8	33,8	7.091	2.400	2.400	33,8	33,8	Thanh toán đối ứng các gói thầu ODA (gói thầu tư vấn, giám sát...)
2	Hồ chứa nước Bải Nhà thuộc dự án xây dựng mới và sửa chữa nâng cấp cụm hồ Kiên Hải (hồ Hòn Ngang, Bải Nhà và sửa chữa nâng cấp hồ Hòn Lớn), huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang	KH	2015-2020	2765; 26/12/2014; 3098; 27/12/2015					417	417	417	100,0	100,0	417	417	100,0	100,0	417	417	417	100,0	100,0	Công trình đã thi công hoàn thành. Dự kiến trong tháng 1/2021 sẽ nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.
	Công trình hệ thống thủy lợi phục vụ NTTS vùng Vàm Răng-Bà Hòn, tỉnh Kiên Giang	KL	2017-2021	2792; 08/12/2012	559.348	5.400			3.178	3.178		100,0	0,0	3.178	3.178	100,0	100,0	3.178	3.178	3.178	100,0	100,0	
3	Đóng mới tàu kiểm ngư trang bị cho lực lượng thanh tra chuyên ngành Thủy sản Kiên Giang	RG	2019-2021	1853; 15/8/2019	44.000	44.000	19.731	19.731	23.411	23.131	21.265	98,8	90,8	23.131	23.131	98,8	98,8	23.411	23.131	23.131	98,8	98,8	Đã thi công xong, nghiệm thu và bàn giao cho đơn vị sử dụng, đang quyết toán công trình
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020								3.921	3.844	3.379	98,0	86,2	3.844	3.844	98,0	98,0	3.921	3.844	3.844	98,0	98,0	
1	Hạt Kiểm Lâm Hà Tiên	HT	2.020	385 SKH; 30/10/2019	1.500	1.500			1.205	1.128	1.116	93,6	92,6	1.128	1.128	93,6	93,6	1.205	1.128	1.128	93,6	93,6	Đã thi công hoàn thành, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và quyết toán.
2	Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Giang Thành	GT	2019-2020	264 SKH; 12/8/2019	1.782	1.782			1.537	1.537	1.509	100,0	98,2	1.537	1.537	100,0	100,0	1.537	1.537	1.537	100,0	100,0	Đã thi công hoàn thành, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và quyết toán.
3	Trại giống Thỏ 5 Biển, xã Nam Thái, huyện AM; Hạng mục: Sân nền, thoát nước, bể chứa	AB	2019-2020	392 SKH; 30/10/2019	1.300	1.300			1.179	1.179	754	100,0	64,0	1.179	1.179	100,0	100,0	1.179	1.179	1.179	100,0	100,0	Đã thi công hoàn thành, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và quyết toán.
(3)	Các dự án đang thanh quyết toán								2.178	2.178	2.178	100,0	100,0	2.178	2.178	100,0	100,0	2.178	2.178	2.178	100,0	100,0	
1	Thả phao phân vùng thám cổ biển khu bảo tồn biển Phú Quốc	PQ	2016-2017	275; 18/10/2010	8.725				157	157	157	100,0	100,0	157	157	100,0	100,0	157	157	157	100,0	100,0	Đã quyết toán hoàn thành công trình.
2	Dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Bình Trị, huyện Kiên Lương (GD1)	KL	2018-2020	2552; 28/10/2013; 1665; 09/09/2019	195.821	9.000																	
3	Dự án hệ thống đê biển An Biên-An Minh (cống thứ 7, xéo dãi, thuồng luồng, rọ ghè, xéo quao, xéo nhào)	AB-AM		2926; 25/12/2018	255.000	29.330			1.763	1.763	1.763	100,0	100,0	1.763	1.763	100,0	100,0	1.763	1.763	1.763	100,0	100,0	Đã quyết toán hoàn thành công trình.
4	Trạm trồng trọt và BVTV, trạm chăn nuôi và thú y, trạm khuyến nông và phòng nông nghiệp huyện UMT	UMT	2016-2018	410; 30/10/2015	5.484	5.484			258	258	258	100,0	100,0	258	258	100,0	100,0	258	258	258	100,0	100,0	Đã quyết toán hoàn thành công trình.
II	Ngành, lĩnh vực đối ứng dự án sử dụng vốn TW và ODA								56.561	56.539	27.729	100,0	49,0	56.539	56.539	100,0	100,0	56.561	56.539	56.539	100,0	100,0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020								9.231	9.209	675	99,8	7,3	9.209	9.209	99,8	99,8	9.231	9.209	9.209	99,8	99,8	
1	Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh	AM	2017-2020	1135; 22/5/2017	123.000	110.000	63.082	63.082	5.000	5.000		100,0	0,0	5.000	5.000	100,0	100,0	5.000	5.000	5.000	100,0	100,0	Dự kiến quý 1/2021 thi công xong
2	Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020	HD, KL, HT	2018-2020	2358; 24/10/2018	187.879	9.450			4.231	4.209	675	99,5	16,0	4.209	4.209	99,5	99,5	4.231	4.209	4.209	99,5	99,5	Đã thi công xong phần bê tông và phần trồng rừng. Kế hoạch vốn còn lại sẽ chuyển sang năm 2021 thực hiện các gói thầu chăm sóc bảo vệ

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lấy kể từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THHT từ đầu năm đến 31/12/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		Kế hoạch năm 2020 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYÊN NGUỒN)	Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYÊN NGUỒN)		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYÊN NGUỒN)		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020						151.038	150.771	47.330	47.330	27.054	100,0	57,2	47.330	47.330	100,0	100,0	47.330	47.330	47.330	100,0	100,0	
1	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373	28.700	28.700	11.300	11.300	11.262	100,0	99,7	11.300	11.300	100,0	100,0	11.300	11.300	11.300	100,0	100,0	Chi trả giải phóng mặt bằng và bồi ứng các gói thầu sinh kế
2	Công trình kiểm soát mặn ven biển Tây trên địa bàn Rạch Giá, Châu Thành và Kiên Lương (hạng mục: Công kênh Nhánh và Công rạch Tà Niên)	RG, CT, KL	2018-2020	2356; 24/10/2018	306.639	65.752	11.727	11.727	36.030	36.030	15.792	100,0	43,8	36.030	36.030	100,0	100,0	36.030	36.030	36.030	100,0	100,0	Các công (09 công) đã thi công cơ bản hoàn thành, dự kiến trong quý I/2021 sẽ nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Hạng mục kế đang trình ngân hàng thế giới. Dự kiến trong tháng 01/2021 sẽ ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu.
3	Nâng cấp cảng cá Tà Cù giai đoạn I	CT		4461; BNN-TCTS 28/10/2016	95.166	1.485	1.400	1.400															
4	Dự án kết hợp bảo vệ ven biển và phối phục đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	TT	2017-2022	5758; BNN, 29/12/2017	230.966	173.845																	Đang chờ Ban CPO tuyển tư vấn để triển khai thực hiện; Đề nghị chuyển vốn qua DA WB9 thực hiện. Đã đề nghị chuyển trả vốn(trong đó năm 2019 4.000 triệu đồng và năm 2020 10.000 triệu đồng)
III	Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch nông thôn								30.305	30.305	24.467	100,0	80,7	30.305	30.305	100,0	100,0	30.305	30.305	30.305	100,0	100,0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020								18.681	18.681	14.495	100,0	77,6	18.681	18.681	100,0	100,0	18.681	18.681	18.681	100,0	100,0	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	TT	2018-2023	2409; 30/10/2018	96.346	96.346	45.711	45.711	15.170	15.170	12.420	100,0	81,9	15.170	15.170	100,0	100,0	15.170	15.170	15.170	100,0	100,0	Đã thi công xong các công trình bố trí vốn năm 2020. Công trình sẽ tiếp tục thi công các trạm cấp nước còn lại theo bố trí vốn 2021
2	Trụ sở làm việc Trung tâm nước sạch VSMT nông thôn Kiên Giang	RG	2019-2021	376; 30/10/2019 SKH	14.998	14.998	5.000	5.000	3.511	3.511	2.075	100,0	59,1	3.511	3.511	100,0	100,0	3.511	3.511	3.511	100,0	100,0	Đang triển khai xây dựng theo kế hoạch, dự kiến quý I/2021 sẽ thi công xong
(2)	Các dự án đang thanh quyết toán				279.737	83.571	-	-	11.624	11.624	9.972	100,0	85,8	11.624	11.624	100,0	100,0	11.624	11.624	11.624	100,0	100,0	
1	Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL (WB6) - Hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên	AB	2015-2016	1023; 05/5/2016	279.737	83.571			1.200	1.200		100,0	0,0	1.200	1.200	100,0	100,0	1.200	1.200	1.200	100,0	100,0	Đang quyết toán công trình
2	Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL (WB6) - Hệ thống cấp nước liên xã Mỹ Thuận-Mỹ Hiệp Sơn (phần mở rộng)	HD	2011-2017	1383; 15/6/2016	279.736	59.224			9.200	9.200	9.200	100,0	100,0	9.200	9.200	100,0	100,0	9.200	9.200	9.200	100,0	100,0	Đã quyết toán công trình
3	Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL (Hợp phần vệ sinh)_	AB, AM	2015-2017	671; 29/6/2015	11.954	3.339			50	50	50	100,0	100,0	50	50	100,0	100,0	50	50	50	100,0	100,0	Đã quyết toán công trình
4	Hệ thống cấp nước Vạn Thạnh, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất	HD	2016-2018	512; 28/10/2016	14.726	14.726			281	281	281	100,0	100,0	281	281	100,0	100,0	281	281	281	100,0	100,0	Đã quyết toán công trình
5	TCN xã Tân Khánh Hòa (GD 2)	GT	2016-2018	26; 14/02/2017	12.673	12.673			137	137	137	100,0	100,0	137	137	100,0	100,0	137	137	137	100,0	100,0	Đã quyết toán công trình
6	NC, MR TCN Vĩnh Hòa Hưng Bắc	GQ	2016-2018	461; 29/10/2014	6.346	6.346			485	485	33	100,0	6,8	485	485	100,0	100,0	485	485	485	100,0	100,0	Đã quyết toán công trình
7	Nâng cấp sửa chữa công trình cấp nước để phục vụ nhân dân ven biển và một số khu vực bị thiếu nước trong mùa khô năm 2016	TT	2016-2017	100; 31/3/2016	9.918	9.918			271	271	271	100,0	100,0	271	271	100,0	100,0	271	271	271	100,0	100,0	Đã quyết toán công trình

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến 31/12/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		Kế hoạch năm 2020 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)	Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021 (SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUYỂN NGUỒN)		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH	
				Số quyết định: ngày, tháng, năm	TMDT	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát							
					Trong đó: NSTW - ĐP													Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện		Giá trị cấp phát
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
IV	Đầu tư GTNT, kiến cơ hóa kênh mương. Trong đó:								-	-	-												
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020								-	-	-												
1	Vốn Chính phủ vay của nước ngoài về cho địa phương vay lại. Trong đó: - Tiêu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373	44.100	44.100															
B	NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT								58.802	58.802	55.805	100,0	94,9	58.802	58.802	100,0	100,0	58.802	58.802	58.802	100,0	100,0	
I	Danh mục bổ sung 2016-2020								57.802	57.802	54.805	100,0	94,8	57.802	57.802	100,0	100,0	57.802	57.802	57.802	100,0	100,0	
1	Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống HTCN liên xã huyện An Biên	AB	2019-2020	2526; 31/10/2019	59.984	59.984			25.000	25.000	24.500	100,0	98,0	25.000	25.000	100,0	100,0	25.000	25.000	25.000	100,0	100,0	Công trình đang triển khai thi công và đã giải ngân hết vốn bố trí năm 2020
2	Hệ thống đường ống nước xã Phú Mỹ	GT	2019-2020	105; 21/05/2019	2.200		1.800	1.570	97	97	97	100,0	100,0	97	97	100,0	100,0	97	97	97	100,0	100,0	Đã quyết toán
3	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa	GT	2019-2020	732; 01/04/2019	18.000		12.000	11.963	1.530	1.530	1.135	100,0	74,2	1.530	1.530	100,0	100,0	1.530	1.530	1.530	100,0	100,0	Đã quyết toán
4	Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang	UMT	2019-2021	2527; 31/10/2019			300	300	8.200	8.200	7.654	100,0	93,3	8.200	8.200	100,0	100,0	8.200	8.200	8.200	100,0	100,0	Công trình đang triển khai thi công và đã giải ngân hết vốn bố trí năm 2020
5	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong-Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	VT	2019-2021	2525; 31/10/2019			300	300	8.200	8.200	7.509	100,0	96,5	8.200	8.200	100,0	100,0	8.200	8.200	8.200	100,0	100,0	Công trình đang triển khai thi công và đã giải ngân hết vốn bố trí năm 2020
6	Mở rộng tuyến ống cấp nước Hồ Bãi Nhà	KH	2019-2020	375 SKH; 30/10/2019	14.775	14.775			14.775	14.775	13.510	100,0	91,4	14.775	14.775	100,0	100,0	14.775	14.775	14.775	100,0	100,0	Thi công hoàn thành, tổng kiểm tra nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong tháng 1/2021 và quyết toán công trình
II	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư								1.000	1.000	1.000	100,0	100,0	1.000	1.000	100,0	100,0	1.000	1.000	1.000	100,0	100,0	
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020								1.000	1.000	1.000	100,0	100,0	1.000	1.000	100,0	100,0	1.000	1.000	1.000	100,0	100,0	
1	Hồ chứa nước Bãi Cây Mên, huyện Kiên Hải	KH	2017-2020	2281; 30/10/2017; 21/7	120.000	30.000			1.000	1.000	1.000	100,0	100,0	1.000	1.000	100,0	100,0	1.000	1.000	1.000	100,0	100,0	
C	NGUỒN VỐN BỢI CHI CÁN ĐỐI NGẮN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								114.000	25.268	25.268	22,2	22,2	25.268	25.268	22,2	22,2	25.268	25.268	25.268	100,0	100,0	
1	Vay thực hiện dự án nguồn vay lại của Chính phủ (ODA). Trong đó:								114.000	25.268	25.268	22,2	22,2	25.268	25.268	22,2	22,2	25.268	25.268	25.268	100,0	100,0	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020								114.000	25.268	25.268	22,2	22,2	25.268	25.268	22,2	22,2	25.268	25.268	25.268	100,0	100,0	
1	Vốn Chính phủ vay của nước ngoài về cho địa phương vay lại. Trong đó: - Tiêu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373			114.000	25.268	25.268	22,2	22,2	25.268	25.268	22,2	22,2	25.268	25.268	25.268	100,0	100,0	Bổ trí dự vốn theo tỉ lệ hiệp định ký kết



VON CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM 2019 SANG NĂM 2020 TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Kèm theo Báo cáo số: 03./BC-SNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang năm 2020	Thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) Khối lượng thực hiện	Tỷ lệ (%) Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			15
	TỔNG SỐ						211.819	191.257	191.257	90,3	90,3	QĐ chuyển nguồn số 938/QĐ-UBND ngày 14/4/2020
A	Nguồn vốn ngân sách Trung ương						196.368	175.806	175.806	89,5	89,5	
1	Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh	AM	2017-2020	1135; 22/5/2017	123.000		3.986	3.986	3.986	100,0	100,0	Đã Thực hiện
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông cái Lớn - Cái Bé	CT-AB	2017-2022	2296; 30/10/2017	80.014	36.000	5.953	5.953	5.953	100,0	100,0	Đã Thực hiện
3	Dự án xói lở bờ biển khu vực Xẻo Nhàu, huyện An Minh	AM	2020-2024	1372; 15/6/2020	85.000		40.000	40.000	40.000	100,0	100,0	Đã Thực hiện
4	Dự án kè chống sắt lở bờ biển khu vực Hòn Quéo, huyện Hòn Đất	HĐ	2019-2021	759; 26/3/2020	100.000		80.000	80.000	80.000	100,0	100,0	Đã Thực hiện
5	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 cổng	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373	927			-	-	Vốn ODA không chuyển nguồn (cắt vốn)
6	Trạm cấp nước cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Hòa Hưng Nam và lắp bồn thép 2,000m3 + khoan 01 giếng đào Nam Du	GQ, KH	2016-2017	579/QĐ-SKHĐT ngày 21/10/2016	11.993		236	228	228	96,6	96,6	Đã quyết toán (vốn dư đề nghị cắt)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	QB đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang năm 2020	Thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) Khối lượng thực hiện	Tỷ lệ (%) Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			15
7	Dự án ĐTXD mô hình cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại các xã đảo tỉnh Kiên Giang	TT	2019-2020	358/QĐ-SKHĐT ngày 21/10/2019	2.430	2.430	2.430	2.158	2.158	88,8	88,8	Đã quyết toán (vốn dư đề nghị cắt)
8	Dự án: Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020	HD, KL, HT	2018-2020	2358; 24/10/2018	187.848	10.299	22.010	22.010	22.010	100,0	100,0	Đã Thực hiện
9	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm tỉnh Kiên Giang	TT	2019-2020	1256; 04/6/2019	96.355		4.000	3.665	3.665	91,6	91,6	Đã quyết toán (vốn dư đề nghị cắt)
10	Dự án: Khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015-2020	TT	2015-2020	1590; 03/8/2015	114.400	10.400	961	961	961	100,0	100,0	Đã Thực hiện
11	Dự án kết hợp bảo vệ ven biển và khôi phục đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	TT					4.000			-	-	Đang chờ Ban CPO tuyển tư vấn để triển khai thực hiện. UBND tỉnh đã trình Bộ KHĐT và Bộ TC Đề nghị chuyển trả vốn
12	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2020	2731; 10/11/2015; 1100; 15/5/2019	313.499	111.220	31.865	16.845	16.845	52,9	52,9	Giải ngân không hết, đề nghị chuyển qua giai đoạn 2021-2025 thực hiện tiếp
B	Nguồn vốn Cân đối ngân sách địa phương						12.782	12.782	12.782	100,0	100,0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang năm 2020	Thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) Khối lượng thực hiện	Tỷ lệ (%) Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			15
1	Hồ chứa nước Bãi Nhà thuộc dự án xây dựng mới và sửa chữa nâng cấp cụm hồ Kiên Hải (hồ Hòn Ngang, Bãi Nhà và sửa chữa nâng cấp hồ Hòn Lớn), huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang	KH	2015-2019	2296/QĐ-UBND 07/10/2019	78.640	34.780	1.482	1.482	1.482	100,0	100,0	Đã Thực hiện
2	Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh	AM	2017-2020	1135; 22/5/2017	123.000		595	595	595	100,0	100,0	Đã Thực hiện
3	Trụ sở làm việc Trung tâm nước sạch VSMT nông thôn Kiên Giang	RG	2019-2020	1441/QĐ-UBND 02/07/2019	14.998	14.998	5.412	5.412	5.412	100,0	100,0	Đã Thực hiện
4	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	TT	2018-2023	2409; 30/10/2018	96.346	96.346	5.293	5.293	5.293	100,0	100,0	Đã quyết toán
C	Nguồn vốn Xổ số kiến thiết						2.669	2.669	2.669	100,0	100,0	
1	Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang	UMT	2019-2021	2527; 31/10/2019	30.000	30.000	155	155	155	100,0	100,0	Đã ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu và triển khai thi công
2	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong-Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	VT	2019-2021	2525; 31/10/2019	37.000	37.000	120	120	120	100,0	100,0	Đã ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu và triển khai thi công
3	Hệ thống đường ống nước xã Phú Mỹ	GT	2019-2020	105; 21/05/2019	2.200	2.200	230	230	230	100,0	100,0	Đã quyết toán
4	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa	GT	2019-2020	732; 01/04/2019	18.000	18.000	2164	2164	2164	100,0	100,0	Đã quyết toán